TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DSST
Ngày: 17-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Điểu Thị Hạnh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" thụ lý số: 182/2018/ DSST ngày 31 tháng 7 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019 ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHHTM H
Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Cẩm L; sinh năm: 1987
Địa chỉ: thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1991
Địa chỉ: 187 QL 14, thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Ông Lang Minh H; Sinh năm: 1971
Địa chỉ: thôn 4, xã B, huyện B, Bình Phước
(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2018 và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền nguyên đơn của Công ty TNHHTM H, anh Nguyễn Văn T trình bày:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại H (sau đây viết tắt Công ty) chuyên bán các mặt hàng phân bón thuốc bảo vệ thực vật, Công ty có chương trình trả góp.

Trong năm 2015 đến ngày 30/6/2016 ông Lang Minh H có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại Công ty nhiều lần, khi mua hàng hai bên có làm giấy tờ ông H ký nhận. Mục đích về chăm sóc cây trồng cụ thể: Ngày 29/5/2015 ông H mua 20 chai Niphosate 01 lít, giá 61.000đồng/chai với số tiền còn nợ 1.220.000đồng; ngày 09/6/2015 ông H mua 05 chai Glyphosan 1 lít giá 71.000đồng/chai với số tiền 355.000đồng, 08 bao phân NPK giá 530.000đồng/1 bao = 4.240.000đồng; 02 bao phân NPK x 490.000đồng = 980.000đồng; 04 bao SA x 220.000đồng/1 bao = 880.000đồng. Ngày 25/6/2015 ông H còn nợ số tiền 1.175.000đồng (20 chai Kanup x 50.000đồng/1 chai = 1.000.000đồng; 01 bao lân canxi ong vàng x 175.000đồng/bao = 175.000đồng). Ngày 02/7/2015 ông H nợ 1.346.000đồng (01 bao lân canxi ong vàng giá 175.000đồng/1 bao; 01 chai Gfaxme 1 lít giá 68.000đồng; 01 bao phân NPK đạm đầu trâu MK x 410.000đồng; 09 chai ZiZa 1 lít x 77.000đồng). Ngày 20/7/2015 ông H nợ 240.000đồng (01 can Valivithaco 5 lít). Ngày 11/8/2015 ông H nợ 1.000.000đồng (20 chai Kanup 1 lít x 50.000đồng/01 chai). Ngày 27/8/2015 ông H nợ 350.000đồng (02 bap phân Long Bình ong vàng x 175.000đồng/1 bao). Ngày 3/9/2015 ông H nợ 1.340.000đồng (05 chai Gfaxme 1 lít x 68.000đồng = 340.000đồng, 04 can Kanup x 250.000đồng = 1.000.000đồng). Ngày 15/9/2015 ông H nợ 1.227.000đồng (01 bao phân kali x 397.000đồng/1 bao=397.000đồng, 02 bao phân Urê Phú Mỹ x 415.000đồng/1 bao = 830.000đồng). Ngày 20/9/2015 ông H nợ 1.540.000đồng (20 chai Zizu x 77.000đồng/1 chai=1.540.000đồng). Ngày 25/9/2015 ông H nợ 165.000đồng (01 chai Sumi Anpha, 01 gói Super). Ngày 26/9/2015 ông H nợ 765.000đồng (01 bao con cò DAP). Ngày 29/9/2015 ông H nợ 1.420.000đồng (01 bao phân NPK x 590.000đồng/1 bao, 02 bao Ure Phú Mỹ x 415.000đồng/1 bao). Ngày 02/10/2015 ông H nợ 1.400.000đồng (01 can Kanup x 250.000đồng, 01 bao NpK x 560.000đồng/1 bao, 01 bao NPK x 590.000đồng). Ngày 6-7/10/2015 ông H nợ 1.372.000đồng. Ngày 13/10/2015 ông H nợ 02 bao NPK x560.000đồng/bao = 1.120.000đồng. Ngày 24/10/2015 ông H nợ 02 bao NPK, 01 bao phân, 01 can super với số tiền 1.870.000đồng. ngày 31/10/2015 ông H nợ 1 Kanup, 02 bao phân Ganica với số tiền 1.010.000đồng. ngày 04/11/2015 ông H nợ 1.238.000đồng. ngày 10/11/2015 ông H nợ 03 can Kanup với số tiền 750.000đồng. ngày 02/12/2015 ông H nợ 351.000đồng. Ngày 08/12/2015 ông H nợ 250.000đồng. ngày 24/02/2016 ông H NỢ 840.000đồng. sau đó ông H chốt nợ là 28.444.000đồng. đến ngày 30/6/2016 ông H mua thêm 08 can Kunup LÀ 1.280.000đồng. tổng cộng ông H nợ công ty 29.719.000đồng. ông H cam kết hẹn đến tháng 9/2016 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên đến nay ông H không thanh toán. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả cho Công ty số tiền gốc 29.719.000đồng và 16.345.450đồng tiền lãi (với lãi suất 2,5%/tháng x 22 tháng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Sau khi Công ty khởi kiện, ngày 17/10/2018 ông H đã thanh toán cho Công ty 20.000.000đồng. Ngày 05/12/2018 Công ty có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi và yêu cầu giải quyết đối với số tiền gốc còn lai

9.719.000đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không bổ sung, cung cấp các tài liệu chứng cứ gì khác.

** Bị đơn ông Lang Minh H quá trình Tòa án giải quyết và thụ lý vụ án ông ông H vắng mặt không có lý do.*

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn nộp:

- Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; hợp đồng ủy quyền; giấy đăng ký kinh doanh của công ty (photo).

- Sổ nợ khách hàng thường xuyên; phiếu thu ngày 17/10/2018.

Bị đơn không nộp tài liệu chứng cứ gì:

* Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 428; Điều 429; Điều 431; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lang Minh H trả cho Công ty TNHHTM H số tiền nợ từ việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật 9.719.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào sổ theo dõi nợ khách hàng thường xuyên của phía nguyên đơn cung cấp; Căn cứ vào đơn khởi kiện Công ty TNHHTM H có bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật nhiều lần cho ông Lang Minh H để chăm sóc cây trồng. Do ông H không thanh toán tiền cho Công ty theo thỏa thuận nên Công ty khởi kiện ông H yêu cầu thanh toán số tiền nợ từ việc mua bán phân bón. Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán....*". Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHHTM H và ông Lang Minh H là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và Tòa án nhân dân huyện B giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHHTM H yêu cầu ông Lang Minh H phải thanh toán số tiền còn nợ 9.719.000đồng từ việc mua bán phân bón.

Theo tài liệu sổ nợ khách hàng thân thiết mà nguyên đơn cung cấp xác định: Trong năm 2015 đến ngày 30/6/2016 ông Lang Minh H có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại Công ty nhiều lần, khi mua hàng hai bên có làm giấy tờ ông H

ký nhận. Mục đích về chăm sóc cây trồng cụ thể: Ngày 29/5/2015 ông H mua 20 chai Niphosate 01 lít, giá 61.000đồng/chai với số tiền còn nợ 1.220.000đồng; ngày 09/6/2015 ông H mua 05 chai Glyphosan 1 lít giá 71.000đồng/chai với số tiền 355.000đồng, 08 bao phân NPK giá 530.000đồng/1 bao = 4.240.000đồng; 02 bao phân NPK x 490.000đồng = 980.000đồng; 04 bao SA x 220.000đồng/1 bao = 880.000đồng. Ngày 25/6/2015 ông H còn nợ số tiền 1.175.000đồng (20 chai Kanup x 50.000đồng/1 chai = 1.000.000đồng; 01 bao lân canxi ong vàng x 175.000đồng/bao = 175.000đồng). Ngày 02/7/2015 ông H nợ 1.346.000đồng (01 bao lân canxi ong vàng giá 175.000đồng/1 bao; 01 chai Gfaxme 1 lít giá 68.000đồng; 01 bao phân NPK đạm đầu trâu MK x 410.000đồng; 09 chai ZiZa 1 lít x 77.000đồng). Ngày 20/7/2015 ông H nợ 240.000đồng (01 can Valivithaco 5 lít). Ngày 11/8/2015 ông H nợ 1.000.000đồng (20 chai Kanup 1 lít x 50.000đồng/01 chai). Ngày 27/8/2015 ông H nợ 350.000đồng (02 bap phân Long Bình ong vàng x 175.000đồng/1 bao). Ngày 3/9/2015 ông H nợ 1.340.000đồng (05 chai Gfaxme 1 lít x 68.000đồng = 340.000đồng, 04 can Kanup x 250.000đồng = 1.000.000đồng). Ngày 15/9/2015 ông H nợ 1.227.000đồng (01 bao phân kali x 397.000đồng/1 bao=397.000đồng, 02 bao phân Urê Phú Mỹ x 415.000đồng/1 bao = 830.000đồng). Ngày 20/9/2015 ông H nợ 1.540.000đồng (20 chai Zizu x 77.000đồng/1 chai=1.540.000đồng). Ngày 25/9/2015 ông H nợ 165.000đồng (01 chai Sumi Anpha, 01 gói Super). Ngày 26/9/2015 ông H nợ 765.000đồng (01 bao con cò DAP). Ngày 29/9/2015 ông H nợ 1.420.000đồng (01 bao phân NPK x 590.000đồng/1 bao, 02 bao Ure Phú Mỹ x 415.000đồng/1 bao). Ngày 02/10/2015 ông H nợ 1.400.000đồng (01 can Kanup x 250.000đồng, 01 bao NpK x 560.000đồng/1 bao, 01 bao NPK x 590.000đồng). Ngày 6-7/10/2015 ông H nợ 1.372.000đồng. Ngày 13/10/2015 ông H nợ 02 bao NPK x560.000đồng/bao = 1.120.000đồng. Ngày 24/10/2015 ông H nợ 02 bao NPK, 01 bao phân, 01 can super với số tiền 1.870.000đồng. ngày 31/10/2015 ông H nợ 1 Kanup, 02 bao phân Ganica với số tiền 1.010.000đồng. Ngày 04/11/2015 ông H nợ 1.238.000đồng. Ngày 10/11/2015 ông H nợ 03 can Kanup với số tiền 750.000đồng. Ngày 02/12/2015 ông H nợ 351.000đồng. Ngày 08/12/2015 ông H nợ 250.000đồng. Ngày 24/02/2016 ông H nợ 840.000đồng. Sau đó ông H chốt nợ là 28.444.000đồng. Đến ngày 30/6/2016 ông H mua thêm 08 can Kunup là 1.280.000đồng. Tổng cộng ông H nợ Công ty 29.719.000đồng. Ông H cam kết hẹn đến tháng 9/2016 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên. Sau khi khởi kiện vào ngày 17/10/2018 ông H đã thanh toán cho Công ty 20.000.000đồng (theo phiếu thu mà nguyên đơn cung cấp). Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H nhưng ông H không có mặt và cũng không gửi tài liệu, văn bản gì cho Tòa án. Căn cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ông H còn nợ lại của công ty số tiền 9.719.000đồng. Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu trả tiền gốc 9.719.000đồng của nguyên đơn.

Đối với số tiền lãi 16.345.450đồng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa. Do đó, cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện tiền lãi của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các 428; Điều 429; Điều 431; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại H về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc bị đơn ông Lang Minh H trả cho nguyên đơn Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại H số tiền gốc 9.719.000đồng (Chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 16.345.450đồng.

[2] Về án phí: Buộc bị đơn ông Lang Minh H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 485.950đồng.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHHTM H số tiền tạm ứng án phí là 1.414.000đồng theo biên lai thu tiền số 0022245 ngày 30 tháng 7 năm 2018.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS Huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điểu Thị Hạnh